

Bản án số: 183/2023/HS-ST

Ngày: 19 - 5 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Đồng – Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ phường An Khánh, thành phố Thủ Đức.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy – Hội chữ thập đỏ phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2023/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Khánh D, sinh năm: 1993, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, huyện B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Khắc K, sinh năm 1947 và bà Thái Thị Đ, sinh năm 1956; bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 06 anh chị em; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 2001, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, huyện B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Xã X, huyện Y, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông

Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh chị em; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 2001, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1968 và bà Lâm Thị L, sinh năm 1975; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 29/9/2021, Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tại Bản án số 231 ngày 29/9/2021. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2022 (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 30/01/2006.

Địa chỉ: Ấp B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn T (cha) và bà Hoàng Thị Thu H (mẹ), xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Lê Tấn Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

2. Anh Đặng Hữu C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khánh D*: Ông Đỗ Văn Hoãn – Luật sư của Văn phòng Luật sư Đỗ Lê thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Khánh D và Nguyễn Anh Tuấn cho anh Nguyễn Hoàng Minh Q (sinh ngày 30/01/2006) mượn số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, D và Tuấn nhiều lần đòi tiền nhưng anh Q tránh mặt không trả và trốn đến Thành phố Hồ Chí Minh ở nhờ nhà anh trai tại phường Phước L A, thành phố Thủ Đức.

Đến giữa tháng 9 năm 2022, Nguyễn Ngọc Đ là bạn của D và Tuấn, thấy thông tin trên facebook của anh Q đăng hình ảnh anh Q đang học nghề cắt tóc tại: Số 61 đường Hồ Bá Phấn, phường Phước L A, thành phố Thủ Đức nên Đ nói cho D và Tuấn biết. Tuấn rủ D đi đến Thành phố Hồ Chí Minh bắt đưa anh Q về nhà cha mẹ anh Q tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để nói cho gia đình anh Q biết để trả nợ thì D đồng ý.

Sáng ngày 26/9/2022, Tuấn thuê anh Lê Tấn Đ điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Inova biển số 72A-505.93 đi đến thành phố Thủ Đức để đón người thân đang nợ nần về quê với giá 1.500.000 đồng thì anh Đ đồng ý. Sau đó, Tuấn gọi điện rủ Nguyễn Văn L, Nguyễn Ngọc Đ và Cường cùng bạn của Cường (chưa rõ lai lịch) cùng đi đến thành phố Thủ Đức thì tất cả đồng ý.

Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, anh Đ chở nhóm gồm D, Tuấn, L, Đ, Cường và bạn của Cường đến địa chỉ: Số 61 đường Hồ Bá Phấn, phường Phước L A, thành phố Thủ Đức. Tại đây, Tuấn nói Cường và bạn của Cường đi xuống đưa Q lên xe. Cường và bạn của Cường đi đến tiệm cắt tóc, khi anh Q từ trong tiệm cắt tóc đi ra thì Cường dùng tay túm cổ áo, bạn của Cường giữ 2 tay của anh Q, anh Q giằng co thì Tuấn xuống xe hỗ trợ kéo Q lên xe của anh Đ đang đậu gần đó rồi yêu cầu anh Đ điều khiển xe chạy về huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trên đường đi, Tuấn và D dùng tay đánh vào mặt anh Q, đồng thời hỏi tại sao lại bỏ trốn, D gọi điện cho ông Nguyễn Văn Tám (là cha của anh Q) nói cho ông Tám biết là Q nợ tiền bỏ trốn, nên D đang bắt Q đưa về nhà ông Tám để giải quyết chuyện nợ nần. Khi đến huyện Châu Đức, Tuấn chỉ đường cho anh Đ đi đến Nhà số 53 thôn Tân Bình, xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức của Đặng Hữu C là bạn của Tuấn, anh Đ ngồi chờ bên ngoài.

Khi đến nhà của C thì C đang làm việc sau vườn, nhà không có ai nên Tuấn đưa anh Q vào phòng ngủ phía trong rồi khoá cửa lại không cho Q ra ngoài. Sau đó, Tuấn dùng 01 cây búa bằng cao su (loại gõ gạch nền trong xây dựng) đánh anh Q thì Q la lên, D đi vào can ngăn không cho Tuấn đánh anh Q nữa. Lúc này anh C từ sau nhà đi lên thấy Tuấn đưa người lạ về nhà mình nên đuổi cả nhóm ra khỏi nhà. Tuấn gọi anh Đ chở cả nhóm đến tiệm bánh mì Thanh Tuấn ở gần đó để lấy xe máy. Khi đến nơi, Tuấn trả tiền cho anh Đ rồi anh Đ đi về. Trên đường về anh Đ nhận được điện thoại của Công an xã Kim L, huyện Châu Đức yêu cầu đến Công an xã làm việc thì anh Đ quay lại chỗ Tuấn nói cho nhóm của Tuấn biết và nói cùng đi đến Công an xã làm việc, anh Đ chở D, L và anh Q đến Công an xã Kim L còn Tuấn, Đ, Cường và bạn của Cường bỏ trốn.

Công an xã Kim L giữ D, Đ và L lại sau đó chuyển cho Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức để xử lý.

Tại Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, D, Đ, L khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe ô tô hiệu Toyota Inova biển số 72A-505.93, kết quả xác minh do anh Lê Tấn Đ đứng tên chủ sở hữu và số tiền 1.500.000 đồng là tiền công của anh Đ nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe và tiền này cho anh Đ.

- 02 hợp đồng vay tiền giữa anh Q và Tuấn, D (lưu kèm hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh Q, anh Q làm đơn từ chối giám định và bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 126/CT-VKSTP.TĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Khánh D, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Khánh D và Nguyễn Ngọc Đ, mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2022.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2022.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi theo cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Bị hại Nguyễn Hoàng Minh Q trình bày: Bị hại đã nhận được tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì thêm. Hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ việc bị hại nợ tiền nhưng không có khả năng trả. Bên cạnh đó, gia đình bị hại với gia đình các bị cáo chung sống gần và cũng quen biết với nhau nên bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Đỗ Văn Hoãn bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khánh D tranh luận:

Luật sư thống nhất với hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xem

xét đến nhân thân của bị cáo Nguyễn Khánh D như: Bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn; trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi... để áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã biết lỗi của mình, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều đúng pháp luật.

[2] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của người liên quan, người làm chứng, hình ảnh camera, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 26/9/2022, tại trước số 61 đường Hồ Bá Phấn, phường Phước L A, thành phố Thủ Đức, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn L cùng với Cường và bạn của Cường (chưa rõ lai lịch) thực hiện hành vi bắt anh Nguyễn Hoàng Minh Q (sinh ngày 30/01/2006) là người Dới 18 tuổi, đưa lên xe ô tô sau đó giữ anh Q đưa về huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp tục giữ anh Q cho đến khi bị phát hiện, bắt giữ D, Đ, L còn Tuấn, Cường và bạn của Cường bỏ trốn.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm về thân thể, quyền tự do của con người, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc ngăn cản, tước đoạt sự tự do, dịch chuyển thân thể của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ việc bị hại Nguyễn Hoàng Minh Q nợ tiền không trả nên Nguyễn Anh Tuấn đã rủ rê, chủ động thuê xe và phân công vai trò cho nhóm gồm các bị cáo Nguyễn Khánh D, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn L; Cường và bạn của Cường thực hiện hành vi bắt giữ bị hại. Hành vi của các bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ

người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn, trong đó Nguyễn Anh Tuấn là người rủ rê và trực tiếp thực hành cùng đồng phạm bắt giữ bị hại. Các bị cáo Nguyễn Khánh D, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn L có vai trò đồng phạm giúp sức, thống nhất ý chí, tạo hoàn cảnh làm tê liệt ý chí, phản kháng của bị hại để dễ dàng bắt giữ, đưa bị hại về Bà Rịa – Vũng Tàu để giải quyết việc nợ nần của Tuấn, D.

Đối với việc Tuấn, D cho bị hại vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng ghi trong hợp đồng vay là 200.000.000 đồng là theo ý chí, yêu cầu của bị hại và việc cho vay không tính lãi nên không có căn cứ xử lý Tuấn, D về hành vi này. Trong quá trình bắt giữ, các bị cáo không có hành vi thể hiện ý chí nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại nên không có căn cứ xử lý các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Anh Tuấn đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can, tạm đình chỉ điều tra bị can và ra lệnh truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên Cường và bạn của Cường được Nguyễn Anh Tuấn rủ rê, biết rõ và đồng ý đi cùng nhóm của Tuấn lên Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ bị hại. Cường và bạn của Cường theo sự phân công của Tuấn đã trực tiếp xuống xe dùng tay kẹp cổ, lôi kéo và ép Q lên xe ô tô cùng với sự hỗ trợ của Tuấn. Tuy nhiên, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Cường và bạn của Cường nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau.

Đối với anh Lê Tấn Đ là người chạy xe dịch vụ được Tuấn thuê đi chở người thân đang nợ nần về nhà, anh Đ không có bàn bạc trước với nhóm của D về việc bắt giữ Q, đồng thời khi được Cơ quan điều tra yêu cầu, anh Đ đã kêu gọi và chở các đối tượng đến Công an trình báo sự việc. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý đối với anh Lê Tấn Đ về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật.

Đối với anh Đặng Hữu C, không biết Tuấn đưa người đến giữ ở nhà của anh C, khi anh C biết được sự việc đã đuổi nhóm của Tuấn ra khỏi nhà, do đó không có căn cứ để xử lý hình sự đối với anh C.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại Nguyễn Hoàng Minh Q (sinh ngày 30/01/2006) là người Dối 18 tuổi nên thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn L thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích (Bản án số 231 ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu), lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại và được bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo cùng đồng phạm thực hiện phạm tội đối với người Dối 18 tuổi nên cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào nhân thân, vai trò đồng phạm của từng bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[5] Quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khánh D đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không đủ điều kiện nên không chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe ô tô hiệu Toyota Inova biển số 72A-505.93, kết quả xác minh do anh Lê Tấn Đ đứng tên chủ sở hữu và số tiền 1.500.000 đồng tiền công của anh Đ: Xét đây là tài sản hợp pháp thuộc sở hữu của anh Đ nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ là có căn cứ.

- Đối với 02 hợp đồng vay tiền giữa Q và Tuấn, D là chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Khánh D**, **Nguyễn Ngọc Đ** và **Nguyễn Văn L** phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh D**: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2022.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ**: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2022.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2022.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo **Nguyễn Khánh D**, **Nguyễn Ngọc Đ** và **Nguyễn Văn L**, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc